

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	GIÀN LẠNH		Dòng tiêu chuẩn - Standard				Dòng Ion sang trọng - Ion Duluxe				Dòng cao cấp Inverter - Super Inverter		Dòng cao cấp 2 chiều - Super 2 ways		
			AH-A9LEW	AH-A12LEW	AH-A18LEW	AH-A24LEW	AH-AP9JMW	AH-AP9LMW	AH-AP12LMW	AH-AP18LMW	AH-XP10LW	AH-XP13LW	AY-AP9LW	AY-AP12LW	AY-AP18LW
	GIÀN NÓNG		AU-A9LEW	AU-A12LEW	AU-A18LEW	AU-A24LEW	AU-A9JMW	AU-A9LMW	AU-A12LMW	AU-A18LMW	AU-X10LW	AU-X13LW	AE-A9LW	AE-A12LW	AE-A18LW
Công suất làm lạnh	kW		2,64	3,5	5,01	6,7	2,64	2,64	3,5	5,01	2,80	3,67	2,64	3,5	5,0
		BTU/h	9000	12000	17100	22900	9000	9000	12000	17100	9560 (2600 - 11200)	12500 (2600 - 14300)	9000	12000	17100
Công suất làm nóng	kW		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,9	3,8	5,6
		BTU/h	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.900	13000	19.100
Nguồn điện	V-ph-Hz		220-240-10-50				220-240-10-50				220-240-10-50		230-10-50		
Điện áp	V		198 - 264				198 - 264				198 - 264		207 - 253		
Dòng điện hoạt động (Tối thiểu - Tối đa)	A	Chế độ làm lạnh	4,0 - 4,2	4,9 - 5,0	7,8 - 8,2	11,3 - 11,5	3,6 - 3,8	4,0 - 4,2	4,9 - 5,0	7,8 - 8,2	3,6 (1,2 - 5,0)	4,8 (1,1 - 6,8)	3,7	4,9	7,6
		Chế độ làm nóng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,6	4,8	7,5
Công suất tiêu thụ (Tối thiểu - Tối đa)	W	Chế độ làm lạnh	900 - 930	1090 - 1120	1740 - 1790	2400 - 2500	820 - 850	900 - 930	1090 - 1120	1740 - 1790	735 (250 - 1030)	1010 (230 - 1440)	820	1090	1660
		Chế độ làm nóng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	800	1050	1640
Hiệu suất (COP)	Chế độ làm lạnh		2,84 - 2,93	3,13 - 3,21	2,80 - 2,88	2,68 - 2,79	3,11 - 3,22	2,84 - 2,93	3,13 - 3,21	2,80 - 2,88	2,80(0,8-3,28)	3,67(0,8-4,2)	3,22	3,21	3,01
		Chế độ làm nóng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,63	3,62	3,41
Độ ồn vận hành	Giàn lạnh (vận hành ở chế độ)	Cao	38	38	44	44	37	38	38	44	39	42	38	40	41
		Thấp	35	37	39	39	35	35	37	39	33	35	33	33	39
		Êm ái	28	31	34	37	28	28	31	34	28	29	28	29	34
	Giàn nóng (vận hành ở chế độ)	Cao	46	48	33	54	43	46	48	33	45	49	45	48	48,9
		Thấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Êm ái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lưu lượng gió (giàn lạnh vận hành ở chế độ)	Cực mạnh		-	-	-	18,2	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Cao	9,4	10,9	16,0	16,4	9,1	9,4	10,9	16,0	9,6	11,4	9,1	10,6	14,1
		Thấp	8,0	10,1	13,2	13,7	8,0	8,0	10,1	13,2	7,7	9,7	7,1	8,7	12,3
		Êm ái	6,4	7,8	11,9	12,8	6,4	6,4	7,8	11,9	6,2	7,1	6,2	7,4	10,7
Kích thước	Giàn lạnh	Rộng	860	860	1040	1040	860	860	860	1040	860	860	860	860	1040
		Cao	292	292	325	325	292	292	292	325	292	292	292	290	325
		Sâu	198	198	222	222	198	198	205	222	205	205	205	205	222
	Giàn nóng	Rộng	598	730	780	890	730	598	730	780	730	730	730	730	890
		Cao	455	540	540	645	540	455	540	540	540	540	540	540	645
		Sâu	265	250	269	290	250	265	250	269	250	250	250	250	290
Khối lượng tịnh	Giàn lạnh	kg	8,5	9,0	14	14,0	8,5	8,5	9,0	14	8,5	9,0	8,5	9,0	14
	Giàn nóng	kg	22	29	40	54	8,5	22	29	40	27	29	27	29	43
Chiều dài ống dẫn (Tối thiểu-Tối đa)	m	1-10	1-15	1-15	1-15	1-10	1-10	1-15	1-15	1 - 15	1 - 15	1-15	1-15	1-15	
Độ dài ống nối đa không cần nạp thêm ga sạch	m	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	
Chênh lệch độ cao tối đa	m	5	7	7	7	5	5	7	7	7	7	7	7	7	
Chất làm lạnh			R22 450g	R22 740g	R22 800g	R22 1100g	R22 440g	R22 450g	R22 740g	R22 800g	R410A 610g	R410A 740g	R410A 640g	R410A 770g	R410A 960g

* Tính năng và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

MÔ TẢ TÍNH NĂNG

HOẠT ĐỘNG



Chế độ Inverter.
Tiết kiệm năng lượng



Chế độ Turbo.



Chế độ Powerful Jet
Luồng không khí mát lạnh thổi trực tiếp và mạnh mẽ giúp nhanh chóng làm lạnh căn phòng.



Chế độ gió Gentle Cool Air
Khi hệ thống lạnh hoạt động, chức năng này sẽ đẩy không khí lạnh lan khắp trần nhà để tránh luồng gió thổi trực tiếp.



Tiết kiệm điện
Hệ thống trao đổi nhiệt lớn hơn đem đến cho loại máy lạnh này khả năng hoạt động hiệu quả với mức tiêu hao điện năng thấp hơn.



Cài đặt nhiệt độ căn phòng thấp hơn (từ 18°C)
Trong hoạt động làm lạnh, nhiệt độ phòng có thể cài đặt từ 18°C.



Chế độ hoạt động cân bằng độ ẩm điều khiển bằng bộ vi xử lý
Motor quạt giàn lạnh và máy nén được kiểm soát bởi bộ vi xử lý để duy trì độ ẩm của căn phòng, không để giảm nhiệt độ phòng.



Chế độ hoạt động tự động
Ở chế độ hoạt động tự động, chế độ cài đặt nhiệt độ được chọn tự động theo nhiệt độ phòng.



Chức năng tự khởi động lại
Khi gặp sự cố do nguồn điện, máy sẽ tự động khởi động lại và giữ các cài đặt trước đó.



Tín hiệu bộ lọc
Chức năng này hiển thị khi tới lúc phải vệ sinh bộ lọc không khí.

KIỂM SOÁT TIỆN LỢI



Kiểm soát vi tính



Điều khiển từ xa LCD



Bộ lập trình hẹn giờ ON/OFF 24 giờ
Khởi động hoặc tắt (giờ và phút) có thể cài đặt cùng lúc.



Hẹn giờ ON/OFF 12 giờ



Hẹn giờ OFF 1 giờ
Khi ONE-HOUR OFF TIMER được cài đặt, máy sẽ tự động tắt sau một giờ.



Chức năng khởi động thông minh
Khi chế độ hẹn giờ ON được cài đặt, máy sẽ khởi động trước thời gian cài đặt cho căn phòng có được nhiệt độ mong muốn vào thời gian đã được cài đặt.



Chức năng "Tự động khi ngủ"
Khi chế độ hẹn giờ OFF được cài đặt, nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh để tránh quá nóng hoặc quá lạnh trong lúc ngủ.



Nút giảm điện năng tức thì
Nhấn nút này trước khi nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt làm cho thiết bị chuyển tức thì sang chế độ tiết kiệm điện.



Đảo gió tự động 4 hướng
Đảo gió tự động theo chiều dọc (lên, xuống) và chiều ngang (trái, phải) làm toàn bộ căn phòng cùng lạnh đều.



Cánh gió quay tự động
Cánh gió tự động quay theo chiều dọc (lên, xuống) làm toàn bộ căn phòng cùng lạnh đều.

CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ



Công nghệ diệt khuẩn Plasmacluster Ion
Thiết bị phóng thích Plasmacluster Ion bên trong giàn lạnh phóng thích các ion âm và dương giúp tiêu diệt các loại virus, vi khuẩn và nấm mốc trong không khí.



Bộ lọc không khí chống nấm mốc có thể tháo gỡ và vệ sinh



Bộ lọc không khí kháng khuẩn

NHỮNG TÍNH NĂNG KHÁC



Hoạt động êm ái



Chức năng tự làm sạch
Chức năng làm sạch tự động có tác dụng làm giảm sự phát triển của nấm mốc, và làm khô bên trong máy lạnh bằng Plasmacluster Ion.



Chức năng rút nước kép
Đường ống rút nước bên phải và bên trái lắp đặt dễ dàng.